

Số: /QĐ-UBND

Ninh Bình, ngày

tháng 11 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án
“Đầu tư xây dựng Khu đô thị mới thuộc địa bàn xã Lê Hồ và xã Đại Cường,
huyện Kim Bảng (KB-DT.06.22.3)” tại phường Lê Hồ, tỉnh Ninh Bình**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường: số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Xét đề nghị phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Ngọc Thủy tại văn bản số 627/CV-NT ngày 23/10/2025 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 518/TTr-SNNMT ngày 19/11/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Đầu tư xây dựng Khu đô thị mới thuộc địa bàn xã Lê Hồ và xã Đại Cường, huyện Kim Bảng (KB-DT.06.22.3)” (sau đây gọi là Dự án) của Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Ngọc Thủy (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại phường Lê Hồ, tỉnh Ninh Bình với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện theo quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 9 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường; | (để b/c)
 - Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh; |
 - Các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính, Xây dựng;
 - UBND phường Lê Hồ;
 - Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Ngọc Thủy (để t/hiện);
 - Cổng thông tin điện tử của tỉnh;
 - Trung tâm phục HCCC tỉnh;
 - Lãnh đạo VPUBND tỉnh;
 - Lưu: VT, VP3, 8.
- Ntt/VP3/QĐ/36

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Anh Chúc

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
"ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KHU ĐÔ THỊ MỚI THUỘC ĐỊA BÀN XÃ LÊ HỒ
VÀ XÃ ĐẠI CƯƠNG, HUYỆN KIM BẢNG (KB-DT.06.22.3) "
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng 11 năm 2025
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình)

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Đầu tư xây dựng Khu đô thị mới thuộc địa bàn xã Lê Hồ và xã Đại Cương, huyện Kim Bảng (KB-DT.06.22.3).
- Địa điểm thực hiện dự án: phường Lê Hồ, tỉnh Ninh Bình.
- Nhà đầu tư: Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Ngọc Thủy.
- Địa chỉ liên hệ: Tổ dân phố Kim Hoà, phường Tiên Sơn, tỉnh Ninh Bình.
- Dự án được Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam chấp thuận chủ trương đầu tư dự án tại Quyết định số 1675/QĐ-UBND ngày 06/9/2022 và chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư tại Quyết định số 1766/QĐ-UBND ngày 27/6/2025; được Ủy ban nhân dân thị xã Kim Bảng phê duyệt Quy hoạch chi tiết 1/500 tại Quyết định số 1970/QĐ-UBND ngày 02/04/2025.

1.2. Quy mô

- Quy mô: Dự án được triển khai trên diện tích 460.551,19 m². Tổng số lô đất ở là 1630 lô (trong đó 642 lô đất liền kề (đầu tư xây dựng phần thô và hoàn thiện mặt ngoài); 988 lô đất ở (không xây dựng, chỉ san nền)). Quy mô dân số của dự án là 6.600 người.

- Cơ cấu sử dụng đất của dự án:

TT	Loại đất	Diện tích (m²)	Tỷ lệ (%)
1	Đất nhà ở	191.073,04	41,49
1.1	Đất nhà ở liền kề	163.887,57	35,59
1.2	Đất nhà ở biệt thự	7.492,90	1,63
1.3	Đất nhà ở tái định cư	13.810,33	2,99
1.4	Đất nhà ở nông thôn nhà ở làng xóm đô thị hóa (đất ở hiện trạng)	5.882,23	1,28
2	Đất công trình hạ tầng xã hội	46.910,86	10,19
2.1	Đất văn hoá	1.626,10	0,35
2.2	Đất trường mầm non	4.580,00	1,00
2.3	Đất cây xanh sử dụng công cộng	40.704,76	8,84
a	Đất cây xanh sử dụng công cộng cấp đơn vị ở	14.251,62	3,10
b	Đất cây xanh sử dụng công cộng	26.453,14	5,74

	cấp nhóm ở		
3	Đất giao thông	195.050,52	42,35
4	Đất bãi đỗ xe	7.029,85	1,52
5	Đất công trình hạ tầng kỹ thuật khác	17.974,35	3,90
6	Kênh, rạch	2.512,58	0,55
Tổng cộng		460.551,19	100

1.3. Phạm vi

Dự án được triển khai trên diện tích 460.551,19 m² với quy mô các hạng mục công trình như sau: San nền; hệ thống đường giao thông; Bãi đỗ xe; Hệ thống cấp nước và PCCC; hệ thống thu gom và thoát nước mưa, hoàn trả kênh mương; hệ thống thu gom, xử lý nước thải (*trạm xử lý nước thải tập trung công suất thiết kế 1.200 m³/ngày đêm; hệ thống quan trắc nước thải tự động*); Hệ thống cấp điện, chiếu sáng; Hệ thống thông tin liên lạc; Hệ thống cây xanh; Chủ dự án đầu tư xây thô khoảng 642 căn nhà ở liền kề trên các trục đường chính của dự án. Đối với khu đất tái định cư có diện tích khoảng 13.810,33 m², sau khi hoàn thành giải phóng mặt bằng sẽ bàn giao lại cho cơ quan có chức năng để bố trí đất tái định cư cho các hộ dân theo quy định của pháp luật.

Phạm vi đánh giá tác động môi trường không bao gồm xây dựng nhà ở của người dân trong khu đất tái định cư diện tích 13.810,33 m².

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Theo khoản 6 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022, dự án có yếu tố nhạy cảm về môi trường do có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa nước 02 vụ với tổng diện tích khoảng 333.509,40 m² theo quy định của pháp luật về đất đai.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

2.1. Giai đoạn thi công xây dựng

- Dự án chiếm dụng đất trồng lúa nước 02 vụ, đất kênh mương thủy lợi nội đồng trong phạm vi dự án có khả năng gây ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất nông nghiệp, tiêu, thoát nước của khu vực, tác động đến đời sống, việc làm của các hộ dân bị mất đất.

- Hoạt động thu dọn mặt bằng thi công các công trình xây dựng; vận chuyển nguyên vật liệu và hoạt động sinh hoạt của công nhân thi công phát sinh tiếng ồn; bụi khí thải, nước thải sinh hoạt, nước thải san nền, nước thải xây dựng, nước mưa chảy tràn, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại có nguy cơ gây ngập úng, ảnh hưởng đến hoạt động giao thông đường bộ và tiềm ẩn nguy cơ sự cố tai nạn lao động, tai nạn giao thông, cháy, nổ.

- Hoạt động bóc tách lớp đất bề mặt đất trồng lúa nước 02 vụ trong phạm vi dự án và hoạt động nạo vét kênh mương nội đồng.

- Hoạt động phát quang thảm thực vật.

- Ảnh hưởng an toàn giao thông khu vực (tuyến đường vận chuyển chính của dự án QL.38).

2.2. Giai đoạn vận hành

- Hoạt động của các phương tiện giao thông của người dân trong khu đô thị phát sinh bụi, khí thải, tiếng ồn.

- Hoạt động sinh hoạt của người dân vào ở trong khu đô thị.

- Hoạt động của trạm xử lý nước thải phát sinh khí thải gây mùi hôi, bùn thải; hoạt động nạo vét, bảo dưỡng hệ thống thoát nước mưa và hệ thống thu gom nước thải định kỳ phát sinh bùn thải.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư

3.1. Nước thải, khí thải

3.1.1. Đối với nước thải

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Nước thải từ hoạt động xây dựng: Phát sinh chủ yếu là nước thải từ hoạt động rửa xe vận chuyển nguyên vật liệu. Tổng lượng nước thải phát sinh tại dự án khoảng 22,3 m³/ngày đêm. Thông số ô nhiễm đặc trưng: chất rắn lơ lửng, dầu mỡ,...

- Nước thải sinh hoạt của công nhân phát sinh tại dự án khoảng 3,8 m³/ngày. Thông số ô nhiễm đặc trưng: pH, BOD₅, tổng chất rắn lơ lửng (TSS), Sunfua, Amoni (tính theo N), Nitrat, Phosphat (tính theo P), dầu mỡ động thực vật, tổng các chất hoạt động bề mặt, tổng Coliforms.

- Nước mưa chảy tràn: Lưu lượng nước mưa chảy tràn trên bề mặt dự án khoảng 3,84 m³/s. Thông số ô nhiễm đặc trưng: Chất rắn lơ lửng, độ đục,...

b) Giai đoạn vận hành

- Nước thải sinh hoạt phát sinh tại dự án khoảng 1.052,5 m³/ngày đêm. Thông số ô nhiễm đặc trưng: pH, BOD₅, tổng chất rắn lơ lửng (TSS), Sunfua, Amoni (tính theo N), Nitrat, Phosphat (tính theo P), dầu mỡ động thực vật, tổng các chất hoạt động bề mặt, tổng Coliforms.

- Nước mưa chảy tràn: Lưu lượng nước mưa chảy tràn trên bề mặt khoảng 7,68 m³/s. Thành phần ô nhiễm: Chất rắn lơ lửng, độ đục,...

3.1.2. Đối với bụi, khí thải

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Bụi phát sinh từ hoạt động đào đắp, san gạt mặt bằng; từ hoạt động của các phương tiện giao thông trong quá trình vận chuyển đất đào đắp và nguyên vật liệu xây dựng đến dự án; từ hoạt động bốc dỡ, tập kết nguyên vật liệu xây dựng. Thông số ô nhiễm đặc trưng là tổng bụi lơ lửng.

- Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của các phương tiện giao thông trong quá trình vận chuyển đất đào đắp và nguyên vật liệu xây dựng; từ hoạt động đốt cháy nhiên liệu của các phương tiện thi công xây dựng; từ quá trình hàn, sơn; từ quá trình trải bê tông nhựa nóng. Thông số ô nhiễm đặc trưng: Khí CO, SO₂, NO_x, bụi đất, bụi cát,...

b) Giai đoạn vận hành

- Bụi và khí thải phát sinh từ hoạt động của các phương tiện giao thông. Thông số ô nhiễm đặc trưng: Bụi, SO₂, NO_x, CO.

- Hơi mùi, khí thải phát sinh từ hoạt động của trạm xử lý nước thải tập trung; khu tập kết chất thải rắn. Thông số ô nhiễm đặc trưng: H₂S, NH₃, CH₄, CH₃SH.

- Khí thải từ hoạt động của máy phát điện dự phòng. Thông số ô nhiễm đặc trưng: SO₂, NO_x, CO.

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại (CTNH)

3.2.1. Đối với chất thải rắn thông thường

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Chất thải rắn sinh hoạt của công nhân tham gia thi công phát sinh tại dự án khoảng 68 kg/ngày. Thành phần chủ yếu gồm: Thức ăn thừa, vỏ bao bì đựng thực phẩm, vỏ hoa quả thải, giấy vụn,...

- Chất thải rắn thông thường phát sinh từ hoạt động phát quang thảm thực vật tại dự án khoảng 50 tấn. Thành phần chủ yếu gồm: Cành, lá, rễ cây.

- Chất thải rắn xây dựng phát sinh khoảng 954,2 tấn. Thành phần chủ yếu gồm: Đất đá, cát, bê tông rơi vãi, giấy xi măng, ni lông, sắt thép vụn,...

- Chất thải từ hoạt động nạo vét kênh mương, ao hồ với khối lượng khoảng 178.423,32 tấn. Thành phần: Bùn đất hữu cơ.

b) Giai đoạn vận hành

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại dự án khoảng 6.071,8 kg/ngày. Thành phần chủ yếu gồm: Các loại thức ăn thừa, bao bì, chai lọ,...

- Khối lượng bùn thải từ trạm xử lý nước thải tập trung công suất thiết kế 1.200 m³/ngày đêm là 840 kg/ngày;

3.2.2. Đối với chất thải nguy hại (CTNH)

a) Giai đoạn thi công xây dựng

Chất thải nguy hại từ quá trình thi công xây dựng khoảng 6.154,3 kg/quá trình, khoảng 256,4 kg/tháng. Thành phần chủ yếu gồm: Dầu thải, giẻ lau, găng tay dính dầu mỡ; sơn thải, vỏ hộp sơn thải, đầu mẫu que hàn thải;...

b) Giai đoạn vận hành

- Chất thải nguy hại từ hoạt động của dự án khoảng 675 kg/năm. Thành phần chủ yếu gồm: Găng tay, giẻ lau dính chất thải nguy hại từ quá trình bảo dưỡng, bảo trì công trình (máy phát điện, máy bơm, trạm xử lý nước thải, máy biến áp...); bao bì nhựa cứng thải bao gồm các vỏ chai, thùng chứa hóa chất; các loại hóa chất hết hạn; các loại dầu mỡ thải,...

3.3. Đối với tầng đất mặt bóc tách từ đất trồng lúa nước 02 vụ

Khối lượng tầng đất mặt được bóc tách từ đất trồng lúa nước 02 vụ khoảng 66.701,88 m³.

3.4. Tiếng ồn, độ rung

a) Giai đoạn thi công xây dựng

Tiếng ồn, độ rung phát sinh chủ yếu từ hoạt động của các máy móc, thiết bị thi công xây dựng (như máy xúc, máy trộn bê tông, máy đầm, máy hàn,...); từ hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, chất thải.

b) Giai đoạn vận hành

- Tiếng ồn từ hoạt động lưu thông các phương tiện ra vào dự án.
- Tiếng ồn từ các máy móc, thiết bị như máy phát điện; máy điều hòa; máy bơm, máy thổi khí của hệ thống xử lý nước thải.

3.5. Tác động khác

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Tác động đến kinh tế - xã hội khu vực, tác động đến giao thông khu vực và trên tuyến đường vận chuyển; tác động đến người tham gia giao thông; tác động đến hệ sinh thái, sản xuất nông nghiệp,...

- Trong quá trình thi công xây dựng có thể xảy ra các rủi ro, sự cố như: Sự cố cháy nổ, tai nạn lao động, tai nạn giao thông, sự cố dịch bệnh, thiên tai,...

b) Giai đoạn vận hành

Khi dự án đi vào hoạt động có thể xảy ra các tác động như cháy nổ, tai nạn giao thông, sự cố đối với trạm xử lý nước thải; Sự cố đối với hệ thống quan trắc nước thải tự động, sự cố ngập úng, dịch bệnh...

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Đối với nước thải sinh hoạt: Chủ dự án phối hợp với nhà thầu thi công bố trí tại 02 khu nhà vệ sinh di động sử dụng 1 bể gom; dung tích khoảng 04 m³/bể/khu; nước thải và bùn thải từ nhà vệ sinh di động được hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Nước thải phát sinh từ quá trình xây dựng: Bố trí 1 bể xử lý nước thải từ hoạt động rửa xe. Bể xử lý 04 ngăn có thể tích khoảng 4,16 m³ để lắng đất, cát và xử lý váng dầu. Nước rửa sau khi lắng được tái sử dụng để rửa xe, dập bụi trên công trường.

- Bùn đất và cát tại hố lắng, lọc được nạo vét, phơi bùn và vận chuyển xử lý cùng chất thải thi công; váng dầu mỡ được thu gom định kỳ và vận chuyển đến khu lưu giữ theo phương án thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại trong giai đoạn thi công xây dựng.

- Đối với nước mưa chảy tràn: Phân vùng thoát nước mưa trong và xung quanh khu vực thi công theo độ dốc tự nhiên để thu gom nước mưa tránh chảy tràn ra bên ngoài, bổ sung các hố ga lắng cặn trên công trường để thu gom nước mưa trước khi thải ra ngoài kênh mương xung quanh dự án. Bố trí cống thoát nước tạm thời trong lúc hoàn thiện hệ thống cống hộp hoàn chỉnh. Ưu tiên thi công hệ thống hoàn trả kênh mương đối với các kênh mương chiếm dụng trong phạm vi dự án.

b) Giai đoạn vận hành

- Đối với nước thải sinh hoạt phát sinh: Toàn bộ nước thải phát sinh trong giai đoạn vận hành được thu gom và dẫn về trạm xử lý nước thải công suất thiết kế 1.200 m³/ngày đêm để xử lý đạt QCVN 14:2025/BTNMT (cột A) trước khi thải ra bờ tả kênh I3-2-8.

- Chủ dự án đầu tư tách riêng hệ thống thu gom nước mưa với hệ thống thu gom và xử lý nước thải.

- Đối với nước mưa chảy tràn:

+ Hệ thống thoát nước mưa của dự án được chia ra làm 3 lưu vực chính: lưu vực 1 thoát qua hệ thống cống chính D1500-D2000 dọc đường gom phía Bắc QL.38 dự án; lưu vực 2, 3 thoát qua cống hộp BxH=2x(2x2) chạy dọc đường gom phía Bắc QL.38. Cửa xả nước mưa có 3 cửa xả.

+ Các đường ống thoát nước mưa dùng cống tròn từ D300-D2000, BxH = 2x2, hệ thống rãnh B400.

- Đối với nước thải:

+ Sử dụng mạng lưới thoát nước thải riêng hoàn toàn, gồm cống tự chảy D200-D300 đi ngầm trên vỉa hè dọc theo các tuyến đường giao thông và tuyến đường nội bộ phía sau các dãy nhà trong khu vực lập quy hoạch. Khu vực hiện trạng từng bước tách nước thải thu gom, đấu nối với hệ thống thoát nước thải của khu vực về hệ thống xử lý nước thải tập trung (khu vực dân cư hiện trạng gồm 63

hộ gần dự án có tuyến rãnh xây B400 dài khoảng 526m, sau khi hình thành dự án có rãnh thu nước mưa, nước thải sẽ có các đầu chờ riêng để thu nước các hộ dân hiện hữu lân cận, trong dự án, khu dân cư của Tổ dân phố Tùng Quan và thu gom về trạm xử lý nước thải tập trung)

+ Nước thải sinh hoạt từ nhà dân sau khi xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại được thu gom về trạm xử lý nước thải tập trung công suất thiết kế 1.200 m³/ngày đêm.

+ Quy trình công nghệ xử lý nước thải công suất 1.200 m³/ngày đêm như sau: Nước thải đầu vào → Bể tách cát, dầu mỡ → Bể điều hoà → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí MBBR → Bể lắng sinh học → Bể khử trùng → Bể thoát nước thải → Hệ thống quan trắc nước thải tự động → Hồ ga (Nước thải đạt QCVN 14:2025/BTNMT (Cột A)) → Thoát nước ra bờ tả kênh I3-2-8.

+ Tọa độ điểm xả nước thải dự kiến: X=2383462.306; Y=589574.625 (Hệ tọa độ VN2000 kinh tuyến trực 105⁰, múi chiều 3⁰).

- Chủ dự án lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động theo quy định và truyền dữ liệu về Sở Nông nghiệp và Môi trường theo quy định.

Thông số quan trắc tự động gồm: Lưu lượng nước thải (đầu vào và đầu ra), pH, nhiệt độ, COD, TSS, Amoni (N-NH⁴⁺).

4.1.2. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý khí thải

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Lập hàng rào bằng tôn cao khoảng 02 m gần khu vực dân cư quanh khu vực công trường thi công dự án.

- Lập kế hoạch và tiến độ thi công phù hợp để khối lượng công việc trong khi đào, đắp san nền, tập kết vật liệu xây dựng hợp lý nhất nhằm hạn chế lượng xe lớn nhất trên một quãng đường thi công, giảm thiểu khí thải và bụi do phương tiện thi công phát tán vào không khí.

- Phủ bạt che chắn khu vực tập kết vật liệu xây dựng để hạn chế gió phát tán bụi vào không khí.

- Tất cả các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu phải có bạt phủ kín thùng xe để hạn chế phát tán bụi vào môi trường, đặc biệt là khi đi qua các tuyến đường có dân cư sinh sống đảm bảo an toàn khi lưu thông trên đường.

- Thực hiện vệ sinh, phun nước tưới cho các tuyến đường giao thông nội bộ phục vụ thi công và khu vực tuyến đường QL.38 vận chuyển chính của dự án với tần suất 4 lần/ngày (trừ những ngày mưa) hoặc tăng tần suất tùy theo điều kiện thời tiết khi thi công.

- Bố trí công nhân quét dọn nguyên vật liệu rơi vãi trên tuyến đường ra vào dự án.

b) Giai đoạn vận hành

- Trồng cây xanh đảm bảo theo tỷ lệ được phê duyệt.

- Tuyên truyền giáo dục người dân trong khu vực dự án trong việc giữ vệ sinh chung và bảo vệ môi trường

4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.1. Công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn thông thường

Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thu gom, xử lý các loại chất thải rắn thông thường phát sinh trong quá trình thực hiện dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

a) Giai đoạn thi công xây dựng

Thực hiện phân loại chất thải rắn phát sinh từ quá trình thi công xây dựng:

- Đối với chất thải rắn sinh hoạt: Bố trí 2 thùng nhựa đựng rác sinh hoạt (thể tích 120lít/thùng) có nắp đậy tại khu vực lán trại công nhân. Hợp đồng với đơn vị có chức năng hàng ngày thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Đối với chất thải rắn trong quá trình chuẩn bị, xây dựng:

+ Chất thải rắn từ hoạt động phát quang sinh khối được thu gom và hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển và xử lý theo quy định.

+ Chất thải rắn xây dựng phát sinh trong quá trình thi công, chất thải rắn hoàn trả mặt bằng (đất dư thừa, vật liệu xây dựng đổ thải) được tận dụng để san lấp mặt bằng dự án. Đối với các chất thải rắn xây dựng không sử dụng được sẽ tập kết tại khu tập kết chất thải xây dựng diện tích 10 m² và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển đổ thải theo quy định.

+ Bùn hữu cơ từ hoạt động nạo vét kênh mương, ao hồ sẽ được tập kết tại khu vực cây xanh, để khô tận dụng đắp khu vực trồng cây xanh trong dự án; không thải ra ngoài môi trường.

- Bố trí công nhân dọn vệ sinh tại công trường, thu dọn gọn gàng vật liệu, chất thải thi công phát sinh.

b) Giai đoạn vận hành

- Thực hiện thu gom, phân loại rác thải sinh hoạt theo quy định tại khoản 4, Điều 75, Luật BVMT năm 2020, trước khi vận chuyển đến địa điểm xử lý theo quy định: Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ các hộ gia đình, khu vực trường mầm non, khu vực nhà văn hóa, đường giao thông được tổ chức, cá nhân, hộ gia đình phân loại tại nơi phát sinh sau đó được thu gom, vận chuyển về nơi tập kết chung khu đô thị và hợp đồng với đơn vị có chức năng xử lý theo quy định của pháp luật. Đơn vị thu gom rác sẽ vận chuyển đưa đi xử lý theo quy định. Tần suất 1 lần/ngày.

- Đối với bùn thải từ trạm xử lý nước thải tập trung: được thu gom và hợp đồng với đơn vị có chức năng đưa đi xử lý theo quy định.

4.2.2. Công trình, biện pháp quản lý chất thải nguy hại

Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thu gom, xử lý chất thải nguy hại phát sinh đảm bảo các yêu cầu theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

a) Giai đoạn thi công xây dựng

Bố trí tại công trường thi công khoảng 08 thùng chứa CTNH dung tích 50 lít/thùng có nắp đậy kín, đảm bảo không rò rỉ, bay hơi, rơi vãi, phát tán ra môi trường; có dán mã CTNH để thu gom, phân loại tại nguồn toàn bộ CTNH phát sinh, tập kết về kho chứa CTNH tại công trường có dạng nhà container 10 feet (Kho sẽ tháo dỡ và trả lại cho đơn vị cho thuê sau khi kết thúc thi công). Đối với các thùng chứa dầu thải, thùng sơn thải và thùng chứa nhựa đường sau khi sử dụng hết được đóng kín, xếp chồng đặt trên tấm pallet trong kho và hợp đồng với đơn vị có chức năng đưa đi xử lý theo quy định.

b) Giai đoạn vận hành

- Ủy ban nhân dân phường Lê Hồ sẽ đưa ra các biện pháp tuyên truyền, khuyến khích người dân phân loại chất thải nguy hại tại nguồn (để thu gom riêng). Hợp đồng với đơn vị chức năng để thu gom vận chuyển xử lý cùng CTNH khác theo quy định.

- Đối với bao bì cứng bằng nhựa (đựng hoá chất thải) sẽ được tập kết tạm thời tại một khu vực trong kho CTNH (có diện tích 10 m² đặt gần khu vực trạm xử lý nước thải của dự án) và trả lại cho nhà cung cấp hoá chất khi giao hoá chất cho trạm xử lý nước thải.

4.3. Biện pháp quản lý tầng đất mặt bóc tách từ đất trồng lúa nước 02 vụ

- Khối lượng đất bóc tách hữu cơ từ tầng mặt đất trồng lúa nước 02 vụ khoảng 66.701,88 m³ được tập kết tại khu vực cây xanh trong phạm vi thực hiện dự án sau đó được tận dụng toàn bộ vào mục đích trồng cây, không vận chuyển ra bên ngoài. Bố trí bờ bao xung quanh khu vực tập kết và thực hiện phủ bạt lên phía trên bãi chứa để tránh phát tán bụi và rửa trôi khi trời mưa.

- Việc sử dụng tầng đất mặt của đất trồng lúa nước 2 vụ theo quy định tại Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ đã được sửa đổi khoản 2 Điều 5 Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai.

4.4. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Định kỳ bảo dưỡng thiết bị máy móc thi công theo quy định; thi công theo kế hoạch, chương trình thi công đảm bảo an toàn lao động.

- Che chắn xung quanh khu vực công trường bằng tôn với chiều cao từ 1,5 đến 02m;

- Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương đảm bảo an ninh trật tự, an toàn xã hội.

- Phương tiện sử dụng không chở vượt quá tải trọng cho phép.

- Lựa chọn máy móc, thiết bị có mức độ ồn thấp khi thi công xây dựng gần khu dân cư.

b) Giai đoạn vận hành

- Thường xuyên kiểm tra định kỳ, đảm bảo các máy bơm, máy thổi khí luôn trong tình trạng hoạt động tốt, tra dầu nhớt đầy đủ theo đúng hướng dẫn sử dụng thiết bị.

- Tại khu vực trạm xử lý nước thải tập trung, trồng cây xanh cách ly nhằm giảm thiểu tiếng ồn và mùi hôi đến môi trường không khí xung quanh.

4.5. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn: Định kỳ bảo dưỡng thiết bị máy móc thi công theo quy định; không thi công vào ban đêm và giờ nghỉ trưa. Bố trí lịch trình thi công hợp lý, hạn chế việc vận hành nhiều thiết bị có độ rung lớn trong cùng thời điểm.

- Biện pháp an toàn lao động: Ban hành nội quy làm việc tại công trường và phổ biến cho tất cả công nhân tham gia lao động trên công trường; trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động cho công nhân.

- Biện pháp an toàn về cháy, nổ, chập điện: Tập huấn, tuyên truyền nâng cao năng lực và nhận thức của công nhân về an toàn cháy nổ và bố trí các bình chữa cháy theo quy định.

- Sửa chữa, hoàn trả nguyên trạng các tuyến đường giao thông bị hư hỏng do hoạt động vận chuyển nguyên, vật liệu phục vụ dự án.

- Thi công xây dựng công trình đảm bảo theo quy hoạch được phê duyệt, san nền đảm bảo tôn trọng địa hình tự nhiên khu vực.

b) Giai đoạn vận hành

- Thiết kế, xây dựng hệ thống thu gom, thoát nước mưa phân chia theo từng lưu vực, tách riêng với hệ thống thu gom, thoát nước thải đảm bảo không làm ảnh hưởng khả năng thoát nước mưa của khu vực.

- Định kỳ thực hiện nạo vét mương, rãnh, hồ ga của hệ thống thu gom, thoát nước mưa chảy tràn để loại bỏ rác, cặn lắng để bảo đảm khả năng tiêu thoát nước của dự án, tránh ngập úng.

4.6. Công trình, biện pháp phòng ngừa ứng phó sự cố

a) Giai đoạn thi công

- Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ: Thành lập đội PCCC tại công trường; lắp đặt biển báo cấm lửa tại các khu vực dễ gây ra cháy nổ (khu vực chứa xăng dầu, kho vật tư dễ cháy nổ, trạm biến áp,...); quy định các nội quy ra - vào, làm việc, sử dụng thiết bị, nội quy về an toàn điện tại từng công trường xây dựng và phổ biến cho người lao động thực hiện theo quy định.

- Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố tai nạn lao động: Ban hành nội quy làm việc trên công trường; tập huấn cho công nhân về thực hiện nghiêm túc các quy định về công tác an toàn lao động, tuân thủ theo quy định về sử dụng, vận hành, bảo dưỡng, bảo quản các thiết bị, máy móc thi công; lập rào chắn tại khu vực công trường thi công, lắp đặt biển cảnh báo tại những vị trí có nguy cơ xảy ra tai nạn lao động; trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho người lao động làm việc trên công trường; tổ chức đội cứu hộ để sơ cứu tại chỗ trong trường hợp xảy ra tai nạn; bố trí trang thiết bị cần thiết để vận chuyển người bị nạn tới cơ sở y tế; lập danh sách và địa chỉ các bệnh viện và cơ sở y tế gần nhất.

- Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố ngập úng: Thường xuyên kiểm tra, khơi thông các dòng chảy, thông tắc các cống rãnh thoát nước xung quanh công trường thi công đảm bảo không để nước đọng, gây ngập úng; bố trí kế hoạch thi công phù hợp và thi công các hạng mục đúng kỹ thuật.

b) Giai đoạn vận hành

- Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố của trạm xử lý nước thải

+ Xây dựng, hoàn thiện các công trình xử lý nước thải theo đúng quy mô thiết kế, trong trường hợp hệ thống xử lý nước thải tập trung gặp sự cố; thiết kế hệ thống van chặn tại các bể chứa thành phần để đảm bảo khả năng lưu chứa nước thải trong trường hợp xảy ra sự cố; lắp đặt van phai chặn tại cửa xả nước thải trước khi chảy ra môi trường, đảm bảo nước thải không chảy ra ngoài môi trường trong trường hợp chất lượng nước thải không đạt chuẩn.

+ Bố trí máy phát điện dự phòng cho trạm xử lý nước thải tập trung; thiết kế, lắp đặt các thiết bị dự phòng để đảm bảo sẵn sàng thay thế ngay khi xảy ra sự cố; bố trí nhân viên quản lý, vận hành hệ thống xử lý nước thải, giám sát vận hành hàng ngày và tuân thủ nghiêm ngặt chương trình vận hành và bảo dưỡng được thiết lập cho công trình xử lý nước thải; thường xuyên tập huấn cho nhân viên vận hành trạm xử lý nước thải về chương trình vận hành và bảo dưỡng của hệ thống. Khi hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố, Chủ dự án cử cán bộ kiểm tra và tìm nguyên nhân khắc phục sự cố. Sau khi sự cố được khắc phục và nước thải xử lý đạt quy chuẩn cho phép trước khi thải ra ngoài môi trường.

- Phương án phòng ngừa đối với sự cố hệ thống quan trắc nước thải tự động:

+ Lắp đặt hệ thống quan trắc tự động thải theo đúng yêu cầu của thiết kế.

+ Bể xử lý nước thải, hệ thống quan trắc tự động phải thường xuyên kiểm tra để kịp thời phát hiện những chỗ rò rỉ, hư hại để xử lý kịp thời tránh rò rỉ nước thải chưa xử lý ra ngoài môi trường.

+ Khi bể xử lý nước thải, hệ thống quan trắc tự động thông báo, gặp sự cố như nước thải sau xử lý không đạt quy chuẩn cho phép, có văn bản báo cáo Sở Nông nghiệp và Môi trường và cử cán bộ kiểm tra tìm nguyên nhân có biện pháp khắc phục kịp thời. Nước thải sau khi xử lý đảm bảo đạt quy chuẩn cho phép QCVN 14:2025/BTNMT cột A trước khi thải ra ngoài môi trường.

- Phương án phòng ngừa đối với sự cố phòng cháy chữa cháy:

+ Thực hiện đầy đủ quy định về phòng cháy chữa cháy.

+ Đối với các khu vực nhà ở sẽ thực hiện biện pháp tuyên truyền, thường xuyên nhắc nhở các hộ gia đình thực hiện các biện pháp phòng cháy chữa cháy, chuẩn bị các trang thiết bị phòng cháy chữa cháy theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền về phòng cháy chữa cháy.

+ Kiểm tra định kỳ mức độ tin cậy của các thiết bị an toàn (báo cháy, chữa cháy,...) và có các biện pháp thay thế kịp thời.

+ Phối hợp với đội phòng cháy chữa cháy để có thể ứng cứu kịp thời các đám cháy lớn.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ dự án

5.1. Chương trình giám sát môi trường giai đoạn thi công xây dựng

a) Giám sát chất thải:

- Giám sát chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn xây dựng, chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thi công. Giám sát lưu lượng/tổng lượng thải và công tác thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải.

- Vị trí giám sát: Tại công trường thi công.

- Tần suất giám sát: Hàng ngày trong thời gian thi công.

- Quy định áp dụng: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

b) Giám sát môi trường không khí xung quanh: Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quan trắc giám sát, cụ thể như sau:

- Vị trí quan trắc, giám sát: 02 mẫu không khí trong thời gian quan trắc (ưu tiên vị trí giáp khu dân cư hiện trạng phía Đông, phía Bắc dự án)

- Thông số quan trắc, giám sát: Tiếng ồn, Tổng bụi lơ lửng, CO, SO₂, NO₂.

- Tần suất quan trắc, giám sát: 6 tháng/lần (2 lần/năm, trong quá trình xây dựng).
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2023/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí; QCVN 26:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

Khi có sự thay đổi về các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường sẽ áp dụng thực hiện theo các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường tương ứng mới nhất.

c) Giám sát khác:

- Giám sát thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn giao thông, an toàn vệ sinh lao động của nhà thầu trong thời gian thi công, công tác tưới nước giảm thiểu bụi; hoạt động thu gom, xử lý nước thải rửa xe; hoạt động thu gom nước thải sinh hoạt.
- Vị trí giám sát: Tại công trường và trên tuyến đường vận chuyển thi công.
- Tần suất giám sát: Hàng ngày trong thời gian thi công.

5.2. Chương trình giám sát môi trường giai đoạn vận hành

5.2.1. Chương trình giám sát nước thải

a) Giám sát nước thải định kỳ:

+ Vị trí quan trắc: 01 mẫu nước thải sinh hoạt tại hố ga sau trạm xử lý nước thải tập trung công suất thiết kế 1.200 m³/ngày đêm.

+ Thông số quan trắc: Tất cả các thông số trừ các thông số đã lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động gồm: BOD₅, Tổng Nitơ (T-N), Tổng Phốt pho (T-P), dầu mỡ động thực vật, Tổng Coliform, Sunfua (S²⁻), Chất hoạt động bề mặt anion.

+ Tần suất giám sát: 03 tháng/lần (04 lần/năm).

+ Quy chuẩn áp dụng: QCVN 14:2025/BTNMT (cột A, bảng 2) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung.

b) Quan trắc nước thải tự động:

+ Vị trí quan trắc, giám sát: 01 mẫu nước thải sinh hoạt tại hố ga sau hệ thống xử lý của trạm xử lý nước thải tập trung công suất thiết kế 1.200m³/ngày đêm.

+ Thông số quan trắc tự động: Lưu lượng nước thải (đầu vào và đầu ra), pH, nhiệt độ, COD, TSS, Amoni (N-NH⁴⁺).

+ Tần suất quan trắc: 5 phút/lần và truyền về Sở Nông nghiệp và Môi trường.

+ Quy chuẩn áp dụng: QCVN 14:2025/BTNMT (cột A, bảng 2) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung.

5.2.2. Giám sát chất thải rắn, chất thải nguy hại (CTR, CTNH)

- Thông số giám sát: Khối lượng phát sinh, phân định, phân loại chất thải rắn, CTNH.

- Vị trí giám sát: Tại khu vực lưu chứa chất thải rắn và CTNH.

- Tần suất: Thường xuyên.

- Quy định áp dụng: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 và Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

6.1. Trách nhiệm của Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Ngọc Thủy

Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện các yêu cầu khác về bảo vệ môi trường như sau:

- Thực hiện đúng với nội dung cam kết trong báo cáo đánh giá tác động môi trường. Đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo đánh giá tác động môi trường và dự án đầu tư.

- Chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật về điện lực, xây dựng, đất đai, thủy lợi, quy hoạch, giao thông và các quy định pháp luật khác có liên quan trước, trong quá trình thực hiện dự án.

- Phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng theo quy định của pháp luật hiện hành và chỉ được phép triển khai thực hiện dự án sau khi hoàn thành công tác đền bù, giải phóng mặt bằng, chuyển đổi mục đích sử dụng đất, giao đất theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Thực hiện bảo vệ, quản lý và sử dụng tầng đất mặt theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện phân định, phân loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định khác có liên quan; phối hợp với đơn vị có đầy đủ chức năng thu gom và xử lý theo quy định.

- Chủ động đề xuất điều chỉnh các hạng mục công trình bảo vệ môi trường trong trường hợp các công trình này không đảm bảo công tác bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật; đảm bảo kinh phí để thực hiện các hoạt động môi trường và chương trình giám sát môi trường; số liệu giám sát phải được cập nhật và lưu giữ để cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường thanh tra, kiểm tra.

- Xây dựng phương án cảnh giới và điều tiết lưu thông trước khi triển khai thi công dự án; lắp đặt hệ thống biển báo, mốc giới địa bàn thi công và phối hợp với chính quyền địa phương thông báo cho nhân dân trong khu vực dự án về thời gian, địa bàn thi công, xây dựng; có các biện pháp tạm thời để bảo đảm an toàn giao thông và đáp ứng nhu cầu đi lại của người dân trong thời gian thi công.

- Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy phạm kỹ thuật và các quy định của pháp luật hiện hành trong quá trình thẩm định, phê duyệt thiết kế, thi công xây dựng các hạng mục công trình và đầu tư xây dựng các hạng mục công trình của dự án theo đúng thiết kế được cơ quan chức năng có thẩm quyền phê duyệt.

- Tuân thủ các yêu cầu về tiêu thoát nước, phòng ngừa, ứng cứu sự cố, vệ sinh môi trường, phòng chống cháy, nổ, an toàn lao động, an toàn hóa chất, an toàn giao thông trong quá trình thực hiện dự án theo đúng quy định của pháp luật hiện hành; lập kế hoạch cụ thể, chi tiết và thực hiện nghiêm túc các biện pháp quản lý, kỹ thuật để phòng ngừa, ứng phó các sự cố tai nạn lao động, ngập úng, cháy, nổ cũng như các rủi ro, sự cố môi trường khác trong giai đoạn thi công và vận hành theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Thực hiện chương trình quản lý, giám sát môi trường và các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác theo quy định của pháp luật; số liệu giám sát phải được cập nhật và lưu giữ để cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra; thực hiện công khai kết quả quan trắc nước thải định kỳ của dự án theo quy định.

- Lập hồ sơ xin cấp phép môi trường và thực hiện vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải theo quy định của pháp luật.

- Công khai báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định trên trang thông tin điện tử của Chủ dự án hoặc tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thực hiện dự án đầu tư chậm nhất là 10 ngày sau khi có quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật trong quá trình xây dựng, hoạt động của dự án nếu phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường xung quanh, sự cố môi trường.

- Chịu trách nhiệm về công tác bảo vệ môi trường trong quá trình triển khai thực hiện Dự án.

6.2. Ủy ban nhân dân phường Lê Hồ có trách nhiệm

- Vận hành thường xuyên, duy trì bảo dưỡng trạm xử lý nước thải sinh hoạt tập trung, đảm bảo nước thải được xử lý đạt quy chuẩn cho phép trước khi thải ra ngoài môi trường và đảm bảo nguồn lực tài chính để các công trình bảo vệ môi trường của dự án được duy trì và vận hành hiệu quả sau khi được bàn giao (bao gồm trạm xử lý nước thải và hệ thống quan trắc nước thải tự động).

- Phối hợp với Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Ngọc Thủy để quản lý và vận hành dự án hoạt động hiệu quả và đảm bảo công tác bảo vệ môi trường khi dự án đi vào hoạt động theo quy định của pháp luật.

- Kiểm tra, giám sát, hướng dẫn người dân xây dựng bể tự hoại đảm bảo kích thước, cấu tạo và thể tích của bể theo quy định.

- Giữ gìn, tôn tạo công viên cây xanh, đường giao thông trong khu dân cư đảm bảo yêu cầu về cảnh quan môi trường, không sử dụng sai mục đích.

- Duy trì yếu tố tự nhiên, văn hoá và đảm bảo tỷ lệ không gian xanh, cảnh quan môi trường theo quy hoạch. Bố trí mặt bằng điểm tập kết, thiết bị, phương tiện để phân loại tại nguồn, thu gom và lưu giữ tạm thời chất thải rắn sinh hoạt phù hợp với lượng, loại chất thải phát sinh trong khu đô thị./.